

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Võ Nhật	Nam	3771020614	26/08/1992	7,00	,50	2,50	
2	Trương Ngọc	Toàn	3771020619	09/07/1995	,00	,00	,00	CT
3	Phạm Quốc	Việt	3771020622	08/06/1994	9,00	,00	2,70	
4	Hồ Tấn	Vinh	3771020623	14/01/1995	8,50	2,30	4,20	
5	Nguyễn Thế	Phong	3771020624	02/02/1995	7,50	2,00	3,70	
6	Nguyễn Văn	Thức	3771020626	12/04/1994	6,00	2,80	3,80	
7	Hồ Công	Khanh	3771020628	05/03/1995	7,00	1,50	3,20	
8	Nguyễn Trần Thành	Nguyên	3771020629	31/07/1995	,00	,00	,00	CT
9	Nguyễn Cao	Đắc	3771020630	01/01/1994	6,00	,00	1,80	
10	Nguyễn Khắc	Hùng	3771020633	20/02/1995	9,50	6,80	7,60	
11	Trần Quốc	Cường	3771020634	16/02/1995	6,00	3,00	3,90	
12	Đặng Văn	Mẫu	3771020637	10/02/1992	3,50	5,00	4,60	
13	Bùi Bảo	Sơn	3771020638	08/05/1994	7,00	1,00	2,80	
14	Tăng Thanh	Quân	3771020640	02/08/1994	9,00	,00	2,70	
15	Huỳnh Công	Danh	3771020647	02/04/1995	7,00	1,50	3,20	
16	Nguyễn Hoàng	Hạc	3771020649	27/07/1993	7,50	4,00	5,10	
17	Nguyễn Ngọc	Tài	3771020650	01/02/1995	,00			
18	Đậu Đình	Huỳnh	3771020656	12/12/1995	10,00	1,00	3,70	
19	Hoàng Văn	Sơn	3771020663	06/07/1994	7,50	2,00	3,70	
20	Nguyễn Văn	Nam	3771020664	08/05/1994	7,50	2,00	3,70	
21	Mai Thiều	Huy	3771020665	04/03/1992	6,50	2,00	3,40	
22	Nguyễn Đức	Phúc	3771020669	30/09/1990	10,00	8,30	8,80	
23	Lê Xuân	Nguyên	3771020670	13/04/1995	7,00	1,00	2,80	
24	Nguyễn Quang	Thống	3771020671	27/09/1995	7,50	3,30	4,60	
25	Nguyễn Trọng	Kha	3771020674	05/01/1995	6,50	6,50	6,50	
26	Phạm Văn	Công	3771020675	13/03/1995	6,50	,30	2,20	
27	Đoàn Văn	Hiếu	3771020681	06/01/1994	7,00	6,80	6,90	
28	Huỳnh Anh	Vũ	3771020682	23/03/1994	9,00	3,80	5,40	
29	Võ Thành	Mỹ	3771020686	20/02/1994	,00	,00	,00	CT
30	Nguyễn Thanh	Tân	3771020687	28/10/1994	10,00	5,80	7,10	
31	Trương Minh	Tâm	3771020689	10/05/1995	,00			
32	Võ Minh	Quân	3771020693	01/04/1994	7,50	2,50	4,00	
33	Nguyễn Văn	Tài	3771020695	12/02/1993	7,00			
34	Bá Quốc	Khánh	3771021086	02/09/1993	7,00	1,50	3,20	
35	Trần Văn	Thịnh	3771021150	01/03/1995	7,50	5,00	5,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Võ Văn	Nam	3771021189	14/10/1995	6,00	2,50	3,60	
37	Đỗ Hiệp	Phát	3771021201	28/10/1995	10,00	9,00	9,30	
38	Phan Thanh	Phong	3771021205	29/12/1994	8,50	6,50	7,10	
39	Nguyễn Ngọc	Trình	3771021233	10/02/1995	9,00	4,00	5,50	
40	Nguyễn Đức	Tiền	3771021245	02/02/1995	7,50	4,00	5,10	
41	Đặng Xuân	Hiệp	3771021252	19/01/1995	5,50	3,30	4,00	
42	Lê Văn	Thảo	3771021274	17/02/1992	7,00	3,50	4,60	
43	Nguyễn Thanh	Xuân	3771021285	18/04/1995	,00	,00	,00	CT
44	Lê Duy	Linh	3771021316	01/06/1995	9,50	6,80	7,60	
45	Võ Duy	Thanh	3771021323	17/03/1995	7,50	1,30	3,20	
46	Võ Thanh	Ngọc	3771021343	15/10/1995	8,00	1,00	3,10	
47	Lê Văn	Sơn	3771021354	20/09/1994	7,00	3,80	4,80	
48	Nguyễn Văn	Bình	3771021355	02/06/1990	6,50	1,00	2,70	
49	Trần Văn	Vũ	3771021397	07/04/1995	6,50	,00	2,00	
50	Nguyễn Ngọc	Linh	3771021415	13/05/1995	7,50	4,00	5,10	
51	Trần Quang	Bảo	3771050401	25/05/1994	7,50	3,00	4,40	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)